TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-3-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phượng;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn P,sinh năm 1986 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 9, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Bích T, sinh năm 1990 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn P trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2014, sau thời gian tìm hiểu thì anh và chị T đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

*Lý do xin ly hôn:*Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi và không tìm được tiếng nói chung Anh và chị T cũng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được hôn nhân. Gia đình, thân tộc hai bên cũng tổ chức hàn

gắn hôn nhân cho vợ chồng nhưng không kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên anh P yêu cầu ly hôn với chị T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hoàng Bích T trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân đúng như lời trình bày của anh P, sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh P đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau năm 2015.

Do trong cuộc sống chị và anh P mâu thuẫn, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Thời gian sống ly thân chị và anh P không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn. Nay anh P yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc.

- Về nuôi con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh P và chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng

Anh Nguyễn Văn P yêu cầu ly hôn với chị Hoàng Bích T,ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Anh P và chị T đều nộp đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu Tòa án tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh P và chị T.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân:Anh P và chị T sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2014; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 05/01/2015, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2015, quyển số

01/2014. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh P và chị T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Anh P yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, sau khi kết hôn vào đầu năm 2015 thì trong năm vợ chồng cũng sống ly thân cho đến nay. Chị T có văn bản gửi cho Tòa án xác nhận đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2015 đăng ký kết hôn thì xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh chị không giải quyết được mâu thuẫn nên anh P yêu cầu ly hôn và chị T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh P và chị T đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ vợ chồng đã sống ly thân ngay sau khi kết hôn vào năm 2015 và cho đến nay vẫn duy trì tình trạng ly hôn, không có cách giải quyết mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn P đối với chị Hoàng Bích T theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

- Về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết,căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch anh P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh P được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều147,220, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P với chị Hoàng Bích T.

2. Về nuôi con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, anh P được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007006 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Hàng Vịnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Khánh